|  |
| --- |
| *Ngày soạn:……………*  *Ngày dạy: /1/2019* **Tiết 33 : VỊ TRÍ TƯƠNG ĐỐI CỦA HAI ĐƯỜNG TRÒN (T2)** |

**I. MỤC TIÊU**

***Qua bài này giúp HS:***

1. ***Kiến thức***

- Phát biểu được hệ thức giữa đoạn nối tâm và các bán kính của hai đường tròn ứng với từng vị trí tương đối của hai đường tròn.

- Nhận biết được khái niệm tiếp tuyến chung của hai đường tròn.

- Xác định được vị trí tương đối của hai đường tròn dựa vào hệ thức giữa đoạn nối tâm và các bán kính.

1. ***Kỹ năng***

* Liên hệ được một số ví trí tương đối của hai đường tròn trong thực tế.
* Xác định được hai đường tròn tiếp xúc ngoài, tiếp xúc trong, vẽ được tiếp tuyến chung của hai đường tròn.

1. ***Thái độ***

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

***4. Định hướng năng lực, phẩm chất***

- Năng lực tính toán,

- Năng lực giải quyết vấn đề,

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực ngôn ngữ.

- Năng lực giao tiếp.

- Năng lực tự học.

**Phẩm chất:** Tự tin, tự chủ

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Giáo án, sách, phấn mầu, bảng nhóm.

- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. Phương tiện và đồ dùng dạy học**

* Thước, bút dạ, bảng phụ, bảng nhóm.

**IV. Tiến trình dạy học**:

1. Ổn định tổ chức

2. Nội dung

1. **Khởi động: - 3p**

HS1: Giữa hai đường tròn có những vị trí tương đối nào ? Vẽ hình minh hoạ.

Phát biểu tính chất đường nối tâm, định lí về hai ĐT cắt nhau, hai ĐT tiếp xúc nhau.

**2. Hoạt động hình thành kiến thức**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Ghi bảng** |
| **1: Hệ thức giữa đoạn nối tâm và bán kính – 19p**  - ***Mục tiêu:*** HS xác định được hệ thức giữa đoạn nối tâm và các bán kính trong cả 3 trường hợp.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, quan sát.  ***- Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật động não.  - ***Năng lực:*** Tính toán, giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác. | | |
| GV thông báo: xét 2 đường tròn (O; R) và (O’; r) với  R ≥ r  GV yêu cầu HS quan sát H90 (SGK)  ? Nhận xét gì về độ dài đoạn nối tâm OO’ với các bán kính R, r ?  ? Hãy chứng minh nhận xét trên ?  GV bảng phụ H91; 92 sgk  ? Nếu 2 đường tròn tiếp xúc với nhau thì tiếp điểm và 2 tâm quan hệ với nhau như thế nào ?  ? Nếu 2 đường tròn tiếp xúc ngoài thì đoạn nối tâm và các bán kính có quan hệ như thế nào ?  ? Tương tự 2 đường tròn tiếp xúc trong thì OO’ quan hệ như thế nào với R, r ?  ? Nêu lại các hệ thức vừa chứng minh ?  GV bảng phụ H93 sgk  ? Nếu 2 đường tròn ở ngoài nhau thì đoạn OO’ so với R + r như thế nào ?  ? Hai đường tròn đựng nhau thì OO’ so với hiệu R – r như thế nào ?  ? Nêu O trùng với O’ thì đoạn nối tâm bằng ?  GV khái quát cả 3 trường hợp và giởi thiệu cách chứng minh mệnh đề đảo bằng phương pháp phản chứng.  GV giới thiệu bảng tóm tắt | HS quan sát hình  HS :  R – r <OO’< R + r  HS:Δ AOO’ có  OA – O’A < OO’< OA + O’A (bđt tam giác)  HS quan sát hình  HS: cùng nằm trên một đường thẳng  HS: A nằm giữa O và O’  ⇒OA + O’A = OO’  HS :O’ nằm giữa AO  ⇒ OA – O’A = OO’  (vì OA = OO’+ O’A )  HS nhắc lại hệ thức  HS :OO’ > R + r  Vì  OO’ >OA+AB + BO’  ⇒ OO’ > R + r  HS: OO’ < R – r  HS :OO’ = 0  HS nghe hiểu  HS đọc lại | **1. Hệ thức giữa đoạn nối tâm và bán kính**  a) Hai đường tròn cắt nhau  R – r < OO’ < R + r  b) Hai đường tròn tiếp xúc nhau  \* Tiếp xúc ngoài    OO’ = R + r  \* Tiếp xúc trong  OO’ = R – r  c) Hai đường tròn không giao nhau  \* Ngoài nhau:    OO’ > R + r  \* Đựng nhau:    OO’ < R – r  \*Đồng tâm:      OO’ = 0 |
| **2: Tiếp tuyến chung của 2 đường tròn – 15p**  - ***Mục tiêu:*** HS quan sát bảng phụ, xác định được tiếp tuyến chung của hai đường tròn, phát biểu lại được khái niệm và liên hệ được thực tế.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, quan sát.  ***- Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật động não. HĐ nhóm  - ***Năng lực:*** Tính toán, giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác. | | |
| GV yêu cầu HS quan sát H95; 96 sgk – giới thiệu các tiếp tuyến chung của 2 đường tròn .  ? Thế nào là tiếp tuyến chung của 2 đường tròn ?  ? ở H96 m1 và m2 có là tiếp tuyến chung của 2 đường tròn không ?  ? Các tiếp tuyến chung ở H95 và H96 có gì khác nhau so với đường nối tâm ?  GV yêu cầu HS nhắc lại các khái niệm  GV yêu cầu HS suy nghĩ làm **?3**  GV yêu cầu HS thảo luận nhóm  ? Trong thực tế có những đồ vật hình dạng và kết cấu liên quan đến vị trí tương đối của 2 đường tròn hãy lấyVD | HS quan sát hình vẽ  HS trả lời  HS: m1 ; m2 là tiếp tuyến chung  HS : hình 95: OO’ không cắt TT chung  H96: OO’ cắt TT chung  HS nhắc lại các khái niệm  HS đọc yêu cầu **?3**  HS Hoạt động nhóm nhỏ trả lời  HS lấy VD | **2. Tiếp tuyến chung của 2 đường tròn**  \* Khái niệm: (SGK)    d1; d2: tiếp tuyến chung ngoài của (O) và (O’)  – Lưu ý: tt chung ngoài không cắt đoạn nối tâm  m1; m2: tt chung trong của (O) và (O’)  – Lưu ý: tt chung trong cắt đoạn nối tâm  **?3** |
| **3: Luyện tập – 5p**  **Mục tiêu:** HS làm được bài tập 35  **PP:** Nên vấn đề | | |
| ? Vị trí tương đối của 2 đường tròn cùng các hệ thức tương ứng ?  GV yêu cầu HS điền trên bảng phụ  HS  GV nhận xét bổ sung – nhấn mạnh từ các vị trí tương đối suy ra hệ thức và ngược lại | HS nhắc lại  HS đọc bài tập 35  HS lên bảng thực hiện điền  HS khác nhận xét | \* Bài 35 (SGK – tr121) |
| **Hoạt động 4: Tìm tòi, mở rộng – 3p**  - ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  - ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực  - ***Năng lực:*** Giải quyết vấn đề, năng lực tự học. | | |
| – Nắm vững các vị trí tương đối của 2 đường tròn cùng các hệ thức tương ứng; tính chất đường nối tâm.  – BTVN: 36; 37 ; 38 trang 123 SGK. Đọc phần có thể em chưa biết  - Chuẩn bị tiết luyện tập | | |

*Ngày soạn:……………*

*Ngày dạy: 1/1/2019*

|  |
| --- |
| **Tiết 34: LUYỆN TẬP** |

**I. MỤC TIÊU**

***Qua bài này giúp HS:***

1. ***Kiến thức***

- Củng cố được các kiến thức về vị trí tương đối của hai đường tròn, tính chất của đường nối tâm, tiếp tuyến chung của hai đường tròn.

- Vận dụng thành thạo các tính chất của tiếp tuyến vào bài tập về tính toán và chứng minh.

1. ***Kỹ năng***

* Rèn kĩ năng vẽ hình, phân tích, chứng minh thông qua các bài tập.
* Liên hệ thực tế của vị trí tương đối của hai đường tròn, của đường thẳng và đường tròn.

1. ***Thái độ***

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

***4. Định hướng năng lực, phẩm chất***

- Năng lực tính toán, - Năng lực giải quyết vấn đề,

- Năng lực hợp tác. - Năng lực ngôn ngữ.

- Năng lực giao tiếp. - Năng lực tự học.

**Phẩm chất:** Tự tin, tự chủ

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Giáo án, sách, phấn mầu, bảng nhóm.

- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. Phương tiện và đồ dùng dạy học**

* Thước, bút dạ, bảng phụ, bảng nhóm.

**IV. Tiến trình dạy học**:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Ghi bảng** |
| **Hoạt động1: Khởi động**  **KT - Chữa bài tập -12p**  - ***Mục tiêu:*** HS làm lại được bài 37 đã cho về nhà.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, quan sát.  ***- Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật động não.  - ***Năng lực:*** Tính toán, giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác. | | |
| GV gọi 1 HS lên bảng chữa bài 36  GV nhận xét cho điểm    ? Ngoài cách chứng minh trên còn có cách nào khác không ? | 1HS lên bảng  a) Gọi (O’) là tâm của đường tròn đường kính OA. Ta có: OO’ = OA – O’A (O’ nằm giữa O, A)  2 đường tròn tiếp xúc trong  b) Ta có: O’A = O’C  Δ ACO’ cân tại O’  (1)  + Ta có OA = OD  ΔAOD cân tại O  (2)  Từ (1) và (2)  Mà 2 góc này ở vị trí SLT  O’C // OD  + Trong Δ AOD có:  OO’ = O’A  O’C // OD  O’C là đường trung bình  C là trung điểm của AD  AC = CD  HS lớp nhận xét chữa bài và tìm cách cm khác | **1. Bài 36 (SGK – tr123)**    ***Chứng minh:***  a) Gọi (O’) là tâm của đường tròn đường kính OA ta có  OO’ = OA – O’A (O’ nằm giữa O, A) 2 đường tròn tiếp xúc trong  b) Ta có: O’A = O’C  ΔACO’ cân tại O’  (1)  + Xét Δ AOD có OA = OD  ΔAOD cân tại O  (2)  Từ (1) và (2)  Mà 2 góc này ở vị trí SLT  O’C // OD  + Trong Δ AOD có:  OO’ = O’A  O’C // OD  O’C là đường trung bình  C là trung điểm của AD  AC = CD |
| **Hoạt động 2: Luyện tập – 28p**  - ***Mục tiêu:*** HS vận dụng được kiến thức đã học làm một số bài tập có liên quan.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, quan sát.  ***- Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật động não.  - ***Năng lực:*** Tính toán, giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác. | | |
| GV yêu cầu HS suy ngĩ làm bài 39 SGK  GV vẽ hình lên bảng sau đó gọi 1 HS nêu GT, KL  ? Để chứng minh  ta làm như thế nào ?  GV gợi ý:  ? Nhận xét gì về các đoạn thẳng IA; IB và IA ; IC ?  ? ΔABC có  IA = IB = IC suy ra điều gì  GV yêu cầu HS trình bày chứng minh  ? Tính số đo ta tính ntn ?  ? Muốn tính BC cần tính được đoạn thẳng nào ?  ? Tính IA áp dụng kiến thức nào?  GV yêu cầu HS thực hiện  ? Nếu bán kính (O) bằng R , bán kính (O’) bằng r thì độ dài BC = ?  GV khái quát lại toàn bài : Xác định vị trí của 2 đường tròn ; chứng minh đoạn thẳng bằng nhau; chứng minh 1 góc là góc vuông | HS đọc đề bài  HS vẽ hình vào vở sau đó 1 HS nêu GT, KL   |  |  | | --- | --- | | GT | (O) và (O”) tx ngoài tại A  BC: tt chung ngoài  B (O); C (O’)  Tt chung trong tại A cắt BC ở I  OA = 9cm;  O’A = 4cm. | | KL | a.  b.  c. BC = ? |   HS: chứng minh tam giác ABC vuông  HS: IA = IB; IA = IC  HS : Δ ABC vuông  HS lên bảng chứng minh:  Ta có:  (t/c 2 tt cắt nhau)  IB = IC  I là trung điểm của BC    + Xét Δ BAC có AI là đường trung tuyến ứng với cạnh BC và  (cmt)  ΔABC vuông tại A    HS:  Mà: IO là phân giác của  ; IO’ là phân giác của  (t/c 2 tiếp tuyến cắt nhau)    Và        HS: IA  HS: HTL trong Δvuông  HS: Ta có Δ OIO’ vuông tại I (câu b) có IA  OO’  IA2 = OA . O’A  IA2 = 9.4 = 36  IA = 6 (cm)  BC = 2. IA = 12(cm)  HS: IA =  BC = 2 | **2. Bài 39 (SGK – tr123)**    ***Chứng minh:***  a) Ta có: (t/c 2 tt cắt nhau)  IB = IC  I là trung điểm của BC    + Xét Δ BAC có AI là đường trung tuyến ứng với cạnh BC và (cmt)  Δ ABC vuông tại A    b) Ta có: IO là phân giác của  ; IO’ là phân giác của  (t/c 2 tiếp tuyến cắt nhau)    Và  Ta có:        c) Ta có Δ OIO’ vuông tại I (câu b) có IA  OO’  IA2 = OA . O’A = 9.4 = 36  IA = 6 (cm)  BC = 2. IA = 12(cm) |
| **Hoạt động 3: Tìm tòi, mở rộng – 5p**  - ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  - ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực,  - ***Năng lực:*** Giải quyết vấn đề, năng lực tự học. | | |
| - Nắm chắc các hệ thức về ba vị trí tương đối của hai đường tròn .  - BTVN: 38 (SGK); 70; 74 (SBT)  - Trả lời các câu hỏi ôn tập chương  **-** Liên hệ và suy luận được bánh răng nào sẽ chuyển động trong hình 99a, 99b, 99c. | | |

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày soạn : ……………….* |  |
| *Ngày dạy : /1/2019* |

**Tiết 35**: **ÔN TẬP CHƯƠNG II**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này giúp HS:***

1. ***Kiến thức***

- Hệ thống hóa được các kiến thức về tính đối xứng của đường tròn, liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây, vị trí tương đối của 2 đường tròn, của đường thẳng và đường tòn.

- Thành thạo kĩ năng vẽ hình, vận dụng các kiến thức đã học vào giải các bài tập về tính toán, chứng minh.

1. ***Kỹ năng***

* Vận dụng được kiến thức làm bài tập.
* Vẽ hình chính xác, cẩn thận, trình bày bài khoa học, rõ ràng.

1. ***Thái độ***

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

***4. Định hướng năng lực, phẩm chất***

- Năng lực tính toán,

- Năng lực giải quyết vấn đề,

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực ngôn ngữ.

- Năng lực giao tiếp.

- Năng lực tự học.

**Phẩm chất:** Tự tin, tự chủ

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Giáo án, sách, phấn mầu, bảng nhóm.

- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. Phương tiện và đồ dùng dạy học**

* Thước, bút dạ, bảng phụ, bảng nhóm.

**IV. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :1 phút

**2.Kiểm tra bài cũ** (*Thông qua*)

**3.Bài mới** :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1*: Ôn tập lý thuyết*** (20 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS vận dụng được kiến thức đã học làm bài tập.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn.  ***- Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật động não, hỏi và trả lời.  - ***Năng lực:*** Tính toán, giải quyết vấn đề. | | | |
| GV phát PHT ghi các bài tập  GV yêu cầu 1 HS thực hiện bài 1    1 HS thực hiện bài 2 ý 1,2  1 HS thực hiện ý 3  HS cả lớp cùng làm và nhận xét  GV nhận xét bổ sung  ? Bài tập trên đã thể hiện những kiến thức nào của chương II ?  GV cho HS đọc lại toàn bài 1 sau khi hoàn thành nối ghép, điền khuyết đối với bài 2.  GV khái quát lại các kiến thức cơ bản đã học trong chương II.  ? Nêu các tính chất của tiếp tuyến đường tròn ?  ? Tiếp điểm của hai đường tròn tiếp xúc nhau có vị trí như thế nào đối với đường nối tâm?  ? Các giao điểm của 2 đường tròn cắt nhau có vị trí như thế nào đối với đường nối tâm ? | **Bài tập 1:** *Nối ghép mỗi ô ở cột trái với 1 ô ở cột phải để được khẳng định đúng*   |  |  | | --- | --- | | 1. Đường tròn ngoại tiếp 1 tam giác | 7. là giao điểm các đường phân giác trong của tam giác | | 2. Đường tròn nội tiếp 1 tam giác | 8. là đường tròn đi qua 3 đỉnh của tam giác | | 3. Tâm đối xứng của đường tròn | 9. là giao điểm các đường trung trực các cạnh của tam giác | | 4. Trục đối xứg của đường tròn | 10. chính là tâm đường tròn | | 5. Tâm của đường tròn nội tiếp tam giác | 11. là bất kỳ đường kính nào của đường tròn | | 6. Tâm của đường tròn ngoại tiếp tam giác | 12. là đường tròn tiếp xúc với 3 cạnh của tam giác | |  | 13. là giao điểm của 3 đường trung tuyến của tam giác | | 1 – 8 2 – 12 3 – 10  4 – 11 5 – 7 6 – 9 | |  Bài tập 2: *Điền vào chỗ (…) để được các định lý và hệ thức đúng* 1. Trong các dây của đường tròn dây lớn nhất là ……………  2. Trong 1đường tròn   1. Đường kính vuông góc với 1 dây thì đi qua ………….. 2. Đường kính đi qua trung điểm của 1 dây ………….thì …. 3. Hai dây bằng nhau thì ……………… 4. Dây lớn hơn thì ……..tâm hơn, dây……….. tâm hơn thì……..hơn.   3.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | *R* | *r* | *d* | *Vị trí tương đối* | | 7 | 3 | 5 | …………………………. | | …. | 2 | 6 | Hai đường tròn tiếp xúc ngoài | | 5 | 1 | … | Hai đường tròn ở ngoài nhau | | 4 |  | …. | Đường thẳng và đường tròn tiếp xúc nhau | | 10 |  | 8 | …………………. |   ***\* Tính chất tiếp tuyến của đường tròn***: SGK  ***\* Tính chất đường nối tâm***: SGK | | |
| **Hoạt động 2 *: Luyện tập***  (22 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS vận dụng được kiến thức đã học làm bài tập.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn.  ***- Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật động não, hỏi và trả lời.  - ***Năng lực:*** Tính toán, giải quyết vấn đề. | | | |
| ? Bài toán cho biết gì ? yêu cầu gì ?  GVhướng dẫn HS vẽ hình  ? Đường tròn ngoại tiếp Δ vuông HBE có tâm nằm ở đâu ?  ? Tương tự với Δ HCF ?  ? Hãy xác định vị trí của các đường tròn (I) và (O); (K) và (O); (I) và (K) ?  ? Xác định vị trí 2 đường tròn cần chỉ ra điều gì ?  ? Tứ giác AEHF là hình gì ? vì sao?  ? Tứ giác AEHF đã có mấy góc vuông ? cần chứng minh thêm điều gì nữa thì tứ giác đó là h.c.n ?  GV yêu cầu HS trình bày chứng minh  ? Ch/m AE.AB = AF.AC chứng minh ntn ? vận dụng kiến thức nào ?  ? Có được hệ thức trên xét tam giác nào ?  GV hướng dẫn HS chứng minh (chỉ rõ trên hình)  ? Có cách nào khác để chứng minh hệ thức trên không ?  GV hướng dẫn HS nhanh yêu cầu HS về nhà tự trình bày | HS đọc đề bài  HS trả lời  HS thực hiện vẽ hình  HS trung điểm BH  HS trung điểm HC  HS trả lời và giải thích  HS :Xác định bán kính, khoảngcách đường nối tâm; hệ thức, vị trí …  HS trả lời  HS: chứng minh thêm 1 góc vuông  HS thực hiện  HS : áp dụng hệ thức lượng trong Δ vuông ΔAHC và ΔAHB | Bài tập 3 (Bài 41/ SGK)    a) Ta có BI + IO=BO ( I nằm giữa B và O)  ⇒ OI = OB – BI hay d = R – r  Vậy (I) tiếp xúc trong với (O)  Có OK+KC = OC (K nằm giữa O,C )  ⇒ OK = OC – KC hay d = R – r  ⇒ (K) tiếp xúc trong với (O)  Có IK = IH + HK  ⇒ (I) tiếp xúc ngoài với (K)  b) Xét Δ BAC có  OA = OB = OC = BC  ⇒ΔBAC vuông tại A  ⇒ Â = 900  Tứ giác AEHF có Ê =  = Â = 900  ⇒ AEHF là h.c.n (dấu hiệu )  c) Δ AHB vuông tại H có HE ⊥AB  ⇒ AH2 = AE.AB (1)  ΔAHC vuông tại H có HF ⊥AC  AH2 = AF. AC (2)  Từ (1) và (2) ⇒ AE.AB = AF. AC  Hoặc chứng minh  đồng dạng  (g.g) | |
| **Hoạt động 3*: Tìm tòi, mở rộng.*** (2 phút)  - ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  - ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực  - ***Năng lực:*** Giải quyết vấn đề, ngôn ngữ. | | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**   * Học thuộc kiến thức đã tổng hợp. Xem lại các bài đã chữa, hoàn thiện và bổ sung trong phiếu học tập. * Làm bài tập 43 sgk.   **Bài mới**   * Chuẩn bị tiết sau ôn tập chương tiếp, chuẩn bị kiểm tra học kì I. | |

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày soạn : ………………* |  |
| *Ngày dạy : /1/2019* |

**Tiết 36**: **ÔN TẬP CHƯƠNG II – Tiếp**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này giúp HS:***

1. ***Kiến thức***

- Hệ thống hóa được các kiến thức đã học toàn chương.

- Thành thạo kĩ năng vẽ hình, vận dụng các kiến thức đã học vào giải các bài tập về tính toán, chứng minh.

1. ***Kỹ năng***

* Vận dụng được kiến thức làm bài tập.
* Vẽ hình chính xác, cẩn thận, trình bày bài khoa học, rõ ràng.

1. ***Thái độ***

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

***4. Định hướng năng lực, phẩm chất***

- Năng lực tính toán,

- Năng lực giải quyết vấn đề,

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực ngôn ngữ.

- Năng lực giao tiếp.

- Năng lực tự học.

**Phẩm chất:** Tự tin, tự chủ

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Giáo án, sách, phấn mầu, bảng nhóm.

- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. Phương tiện và đồ dùng dạy học**

* Thước, bút dạ, bảng phụ, bảng nhóm.

**IV. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :1 phút

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Phấn mầu, PHT, thước thẳng, êke.

- Hs: Đồ dùng học tập, học bài và đọc trước bài

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** (1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ:** Kết hợp trong hoạt động 1.

**3.Bài mới** :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1*: Ôn tập lý thuyết*** (20 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS vận dụng được kiến thức đã học làm bài tập.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn.  ***- Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật động não, hỏi và trả lời.  - ***Năng lực:*** Tính toán, giải quyết vấn đề. | | | |
| GV phát PHT ghi các bài tập  GV yêu cầu 1 HS thực hiện bài 1    HS cả lớp cùng làm và nhận xét  GV bố sung sửa sai  ? Bài tập trên đã thể hiện kiến thức nào của chương II ?  HS trả lời  GV chốt lại kiến thức cơ bản trong chương II  \* Cách xác định đường tròn. Tính chất 2 tiếp tuyến cắt nhau    \* Tính độ dài đường nối tâm | Bài tập 1: Cho góc xAy khác góc bẹt. Đường tròn (0;R) tiếp xúc với 2 cạnh Ax, Ay lần lượt tại B, C. Hãy điền vào chỗ (…) để có khẳng định đúng   1. Tam giác ABO là tam giác ……………….. 2. Tam giác ABC là tam giác ………………… 3. Đường thẳng AO là …………………của đoạn BC 4. AO là tia phân giác của góc ……………..  Bài tập 2*: Các câu sau đúng hay sai ?* 1) Qua 3 điểm bất kỳ bao giờ cũng vẽ được 1 và chỉ 1 đường tròn.  2) Tâm của đường tròn ngoại tiếp tam giác vuông là trung điểm của cạnh huyền.  3) Nếu 1 đường thẳng đi qua 1 điểm của đường tròn và vuông góc với bán kính đi qua điểm đó thì đường thẳng ấy là tiếp tuyến của đường tròn  4) Nếu 1 tam giác có 1 cạnh là đường kính của đường tròn ngoại tiếp tam giác thì tam giác đó là tam giác vuông Bài tập 3: *Chọn đáp án đúng*Cho hình vẽ  |  |  | | --- | --- | | a) Đoạn nối tâm OO’ có độ dài là  A. 7cm B. 25cm  C. 30cm D. 14cm  b) Đoạn EF có độ dài là  A. 50cm B. 60cm  C. 20cm D. 30cm | | | *Đáp án:a) chọn B b) chọn A* |  | | | |
| **Hoạt động 2 *: Luyện tập***  (23 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS vận dụng được kiến thức đã học làm bài tập.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn.  ***- Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật động não, hỏi và trả lời.  - ***Năng lực:*** Tính toán, giải quyết vấn đề. | | | |
| ? Bài toán cho biết gì ? yêu cầu gì ?  ? Hãy nêu cách vẽ hình của bài toán ?  GV chứng minh tương tự bài tập 41  ? Hãy chứng minh tứ giác AEMF là hcn ?  GV yêu cầu HS trình bày chứng minh  GV nhận xét bổ sung – nhấn mạnh: Cách chứng minh tứ giác là hcndựa vào dấu hiệu nhận biết; chứng minh số đo 1 góc bằn 900 dựa vào đường trung trực, đường phân giác của 2 góc kề bù.  ? Chứng minh đẳng thức ME.MO = MF. MO’ ta chứng minh ntn ?  GV gợi ý chứng minh tương tự bài tập 41  ? Ngoài cách chứng minh trên còn có cách chứng minh nào khác không ?  ? Chứng minh OO’ là tiếp tuyến của đường tròn đường kính BC cần chứng minh điều gì ?  GV yêu cầu HS trình bày chứng minh  GV khái quát lại toàn bài  Dạng bài tập cơ bản của chương II - Kiến thức áp dụng. | HS trả lời  HS nêu cách vẽ hình  HS nêu cách chứng minh  AEMF là hcn    Â = Ê = = 900    gt  HS trình bày chứng minh  HS khác cùng làm và nhận xét  HS nghe hiểu  HS nêu cách chứng minh  HS trình bày miệng chứng minh câu b  HS: chứng minh 2 tam giác đồng dạng  HS : OO’ ⊥ MA tại A  HS trình bày chứng minh | Bài tập 4 (Bài 42 tr128 SGK)    a) Ta có  MO là phân giác của  MO’ là phân giác của  (t/c 2 t/tuyến cắt nhau)  Mà  +  = 1800 (2 góc kề bù) ⇒  = 900 hay  = 900 (1)  Mặt khác  OB = OA = R(O)  MA = MB (t/c 2 t/ tuyến cắt nhau)**⇒ MO là trung trực của AB ⇒ MO ⊥ AB tại E**  ⇒  = 900 (2)  Tương tự MO’ ⊥ AC tại F  =>  = 900  (3)  Từ (1),(2),(3) ⇒ tứ giác MEAF là hcn (dấu hiệu nhận biết)  b) Xét ΔMAO vuông tại A có  AE ⊥ MO ⇒ MA2 = ME. MO (4)  Xét ΔMAO’ vuông tại A có  AF ⊥ MO’ ⇒MA2 =MF. MO’ (5)  Từ (4) và (5)⇒ ME.MO = MF. MO’  c) Ta có MA = MB; MC = MA (cmt) ⇒ MA = MB = MC  ⇒ M là tâm đường tròn đường kính BC  Mà MA ⊥ OO’  ⇒ OO’ là tiếp tuyến của đường tròn đường kính BC tại A. | |
| **Hoạt động 3*: Tìm tòi, mở rộng*** (2 phút)  - ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  - ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực  - ***Năng lực:*** Giải quyết vấn đề, ngôn ngữ. | | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**   * Ôn tập theo bảng đã làm. * Làm bài 81,84 sbt.   **Bài mới**   * Chuẩn bị tiết sau Chương III – Góc ở tâm – Số đo cung. | |